

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG**

Bản án số: 76/2026/DS-ST

Ngày: 17 - 4 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Hiệp; bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 681/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2026/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý – Khách hàng cá nhân;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đặng Tô Mỹ H, sinh năm 2003; Ông Lê Thanh N, sinh năm 1992; Ông Lý Nhựt H1, sinh năm 1991; Bà Lê Trần Xuân Đ, sinh năm 2001; ông Nguyễn Minh H2, sinh năm 1995;

Cùng chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ;

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng D, 1 T, phường L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1999;

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số: 089099006203;

Cư trú: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang (ĐT: 0365551435).

Tại phiên tòa, bà Đặng Tô Mỹ H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, các đại diện khác của nguyên đơn vắng mặt; ông Trần Văn C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:

Ông Trần Văn C có ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số theo dõi LD2417001955) ngày 15 tháng 6 năm 2024, nội dung cụ thể: số tiền cho vay 110.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 25%/năm, từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, trường hợp thời gian vay thực tế từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất chưa đủ 03 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân được giữ cố định đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất đó và sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần. Thời hạn vay 48 tháng và phương thức thanh toán: trả lãi, gốc theo từng kỳ. Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng đã giải ngân cho ông C vay số tiền 110.000.000 đồng vào ngày 15 tháng 6 năm 2024. Sau khi nhận giải ngân, ông C đã thanh toán được 3.718.029 đồng, trong đó nợ gốc đã trả 1.586.419 đồng, nợ lãi đã trả 2.131.610 đồng. Từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 cho đến nay, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay trên sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Đến nay, ông C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ như sau: Buộc ông Trần Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2025, cụ thể: Nợ gốc: 108.413.581 đồng, nợ lãi: 23.405.614 đồng. Buộc ông C phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông C thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Văn C: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Bà Đặng Tô Mỹ H đại diện Ngân hàng vắng mặt và có văn bản trình bày: Giữ nguyên yêu cầu buộc ông Trần Văn C thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2026

là: Nợ gốc: 108.413.581 đồng, nợ lãi: 79.514.134 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 53.009.423 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.504.711 đồng, tổng cộng là: 187.927.715 đồng. Buộc ông C phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông C thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Ông Trần Văn C vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện ông Trần Văn C yêu cầu trả tiền vốn vay mục đích tiêu dùng cá nhân và lãi phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ2. Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã V, tỉnh An Giang. Theo Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, thì Ngân hàng là tổ chức tín dụng và cho khách hàng vay là hình thức cấp tín dụng, tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định “*Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với khách hàng (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng)*”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đại diện nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy giữa Ngân hàng và ông C có xác lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số theo dõi LD2417001955) ngày 15 tháng 6 năm 2024. Sau khi nhận tiền vay, ông C đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ được một thời gian, nhưng từ ngày 15 tháng 8 năm 2024, ông C đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận, khoản vay của ông C đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2026, ông C còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc: 110.000.000 đồng, nợ lãi: 79.514.134 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 53.009.423 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.504.711 đồng, tổng cộng là: 187.927.715 đồng. Xét thấy: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ2 được các bên giao

kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng được một thời gian thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận giao kết. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi của Ngân hàng, xét thấy:

[3.2.1] Theo đề nghị của ông C và thỏa thuận tại mục II của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số theo dõi LD2417001955) ngày 15 tháng 6 năm 2024, các bên đã thống nhất về việc bị đơn phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn do chậm trả nợ gốc và lãi do chậm trả lãi, với lãi suất trong hạn là 25%/năm. Mức lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện theo thông tin V1 công bố (được niêm yết tại website của Ngân hàng) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất cho vay, nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả, phương pháp tính lãi tiền vay, loại phí và mức phí được quy định tại Điều kiện giao dịch chung, Điều kiện giao dịch chung của Ngân hàng được công bố tại website của Ngân hàng. Tại phần VI của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số theo dõi LD2417001955) ngày 15 tháng 6 năm 2024, ông C đã xác nhận rằng ông đã được thông tin đầy đủ về các nội dung của Điều kiện giao dịch chung, đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và chấp nhận, cam kết tuân thủ tuân theo. Tại phiên tòa, Ngân hàng trình bày mức lãi suất cho vay trong hạn đối với trường hợp của ông C là 25%/năm và có điều chỉnh biến động, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Những nội dung về lãi suất đã được Ngân hàng thông báo cho ông C theo phương thức đã thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số theo dõi LD2417001955) ngày 15 tháng 6 năm 2024.

[3.2.2] Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất”. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Và khoản 1 Điều

13 Thông tư ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N1 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N1 có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này*”. Do đó, thỏa thuận về lãi suất giữa ông C và Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật và làm phát sinh nghĩa vụ của ông C đối với Ngân hàng về việc trả lãi.

[3.2.3] Mặc dù thời hạn cho vay vẫn còn, nhưng ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo kỳ đã thỏa thuận, nên khoản vay của ông C đã chuyển sang nợ quá hạn từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 15 tháng 8 năm 2024.

[3.2.4] Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến phản đối việc chuyển nợ quá hạn, các khoản lãi, lãi suất phải chịu. Do đó, ông C phải có nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận với Ngân hàng.

[3.3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 187.927.715 đồng (tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2026). Buộc ông C kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2026 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm; ông C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Trần Văn C.

Buộc ông Trần Văn C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền 187.927.715 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu chín trăm hai mươi

bảy nghìn bảy trăm mười lăm đồng) tạm tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2026. Trong đó: Nợ gốc là 108.413.581 đồng (một trăm linh tám triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm tám mươi một đồng), nợ lãi: 79.514.134 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm mười bốn nghìn một trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17 tháng 4 năm 2026) ông Trần Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số theo dõi LD2417001955) ngày 15 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số theo dõi LD2417001955) ngày 15 tháng 6 năm 2024, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn C phải chịu 9.396.386 đồng (chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.295.480 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu tiền số 0008553 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV10 – An Giang;
- Phòng THADS KV10 – An Giang;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thùy Giang